

Dàn ý phân tích bài thơ Đồng chí - Chính Hữu

Hướng dẫn lập dàn ý chi tiết bài văn phân tích, bình giảng bài thơ Đồng Chí của tác giả Chính Hữu (có đính kèm bài văn mẫu tham khảo)

Dàn ý chi tiết phân tích bài Đồng Chí

I. Mở bài

- Giới thiệu tác phẩm: *Đồng chí*, tác giả: Chính Hữu.

- Hoàn cảnh sáng tác: đầu năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc.

II. Thân bài

1. Cơ sở hình thành tình đồng chí

- Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính:

"Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá".

"Anh" ra đi từ vùng "nước mặn đồng chua", "tôi" từ miền "đất cày lên sỏi đá". Hai miền đất xa nhau, "đôi người xa lạ" nhưng cùng giống nhau ở cái "nghèo". Hai câu thơ giới thiệu thật giản dị hoàn cảnh xuất thân của người lính: họ là những người nông dân nghèo.

- Tình đồng chí hình thành từ sự cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu:

"Súng bên súng, đầu sát bên đầu"

Họ vốn "chẳng hẹn quen nhau" nhưng lý tưởng chung của thời đại đã gắn kết họ lại với nhau trong hàng ngũ quân đội cách mạng. "Súng" biểu tượng cho nhiệm vụ chiến đấu, "đầu" biểu tượng cho lý tưởng, suy nghĩ. Phép điệp từ (súng, đầu, bên) tạo nên âm điệu khoẻ, chắc, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lý tưởng, cùng chung nhiệm vụ.

- Tình đồng chí nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ.

Dàn ý phân tích bài thơ **Đồng chí - Chính Hữu**

Cái khó khăn thiếu thốn hiện lên: đêm rét, chăn không đủ đắp nên phải "chung chăn". Nhưng chính sự chung chăn ấy, sự chia sẻ với nhau trong gian khổ ấy đã trở thành niềm vui, thắt chặt tình cảm của những người đồng đội để trở thành "đôi tri kỷ".

=> Sáu câu thơ đầu đã giải thích cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí giữa những người đồng đội. Câu thơ thứ bảy như một cái bản lề khép lại đoạn thơ một để mở ra đoạn hai.

2. Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí

- Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. Những người lính gắn bó với nhau, họ hiểu đến những nỗi niềm sâu xa, thầm kín của đồng đội mình:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Người lính đi chiến đấu để lại sau lưng những gì yêu quý nhất của quê hương: ruộng nương, gian nhà, giếng nước gốc đa,... Từ "mặc kệ" cho thấy tư thế ra đi dứt khoát của người lính. Nhưng sâu xa trong lòng, họ vẫn da diết nhớ quê hương. Ở ngoài mặt trận, họ vẫn hình dung thấy gian nhà không đang lung lay trong cơn gió nơi quê nhà xa xôi.

- Tình đồng chí còn là cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính :

+ Những gian lao, thiếu thốn trong cuộc sống của người lính những năm kháng chiến chống pháp hiện lên rất cụ thể, chân thực: áo rách, quần vá, chân không giày, sự khổ sở của những cơn sốt rét rừng hành hạ, trời buốt giá, môi miệng khô và nứt nẻ, nói cười rất khó khăn, có khi nứt ra chảy cả máu. Nhưng những người lính vẫn cười bởi họ có hơi ấm và niềm vui của tình đồng đội "thương nhau tay nắm lấy bàn tay".

+ Hơi ấm ở bàn tay, ở tấm lòng đã chiến thắng cái lạnh ở "chân không giày" và thời tiết "buốt giá". Cặp từ xưng hô "anh" và "tôi" luôn đi với nhau, có khi đứng chung trong một câu thơ, có khi đi sóng đôi trong từng cặp câu liền nhau diễn tả sự gắn bó, chia sẻ của những người đồng đội.

3. Đoạn kết

- Ba câu cuối cùng kết thúc bài thơ bằng một hình ảnh thơ thật đẹp:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Dàn ý phân tích bài thơ **Đồng chí - Chính Hữu**

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Nổi lên trên cảnh rừng đêm hoang vắng, lạnh lẽo là hình ảnh người lính "đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới". Đó là hình ảnh cụ thể của tình đồng chí sát cánh bên nhau trong chiến đấu. Họ đã đứng cạnh bên nhau giữa cái giá rét của rừng đêm, giữa cái căng thẳng của những giây phút "chờ giặc tới". Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp họ vượt lên tất cả...

- Câu thơ cuối cùng mới thật đặc sắc: "Đầu súng trăng treo". Đó là một hình ảnh thật mà bản thân Chính Hữu đã nhận ra trong những đêm phục kích giữa rừng khuya.

- Nhưng nó còn là một hình ảnh thơ độc đáo, có sức gợi nhiều liên tưởng phong phú sâu xa.

+ "Súng" biểu tượng cho chiến tranh, cho hiện thực khốc liệt. "Trăng" biểu tượng cho vẻ đẹp yên bình, mơ mộng và lãng mạn.

+ Hai hình ảnh "súng" và "trăng" kết hợp với nhau tạo nên một biểu tượng đẹp về cuộc đời người lính: chiến sĩ mà thi sĩ, thực tại mà mơ mộng. Hình ảnh ấy mang được cả đặc điểm của thơ ca kháng chiến - một nền thơ giàu chất hiện thực và giàu cảm hứng lãng mạn.

+ Vì vậy, câu thơ này đã được Chính Hữu lấy làm nhan đề cho cả một tập thơ - tập "*Đầu súng trăng treo*".

=> Đoạn kết bài thơ là một bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính.

III. Kết bài

- Tóm tắt các ý đã phân tích.

- Liên hệ bản thân.

» Xem thêm: [Những bài văn hay nhất phân tích **Đồng chí \(Chính Hữu\)**](#)

Bài văn tham khảo hay nhất phân tích bài thơ **Đồng Chí (Chính Hữu)**

Đề tài người lính là một trong các đề tài quen thuộc trong thơ ca kháng chiến, mỗi nhà thơ bằng sự trải nghiệm và sự nhìn nhận riêng của mình đã khám phá ra những vẻ

Dàn ý phân tích bài thơ **Đồng chí** - Chính Hữu

đẹp khác nhau của anh bộ đội cụ Hồ. Nếu trong "*Tây Tiến*" (Quang Dũng) ta bắt gặp vẻ đẹp hào hùng mà hào hoa, thanh lịch của những chàng trai ra đi từ đất Hà thành; trong "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" (Phạm Tiến Duật) ta bắt gặp vẻ phong trần, tinh nghịch mà vô cùng mạnh mẽ của những người lính lái xe thì đến với "**Đồng chí**" của Chính Hữu, người đọc ấn tượng bởi những nét đẹp giản dị, đời thường, thấm đượm tình cảm đồng chí, đồng đội sâu sắc của những người lính chống Pháp từ những buổi đầu kháng chiến.

Bài thơ được viết vào khoảng đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc thu - đông. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó mặn nồng.

Trước hết bảy câu thơ đầu là cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội của những người lính chống Pháp. Có thể nói, đến với bảy câu thơ mở đầu này, ta bắt gặp một định nghĩa rất riêng của nhà thơ về hai chữ "đồng chí". Đầu tiên, với Chính Hữu, tình đồng chí bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành, đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân nắm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Chắc vì thế mà cái mối quan tâm hàng đầu của họ chính là về đất đai khi họ giới thiệu về mình. Thành ngữ "nước mặn đồng chua", gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Còn cụm từ "đất cày lên sỏi đá" lại gợi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Đó là xuất phát điểm về hoàn cảnh xuất thân và cuộc sống của những chàng trai nông dân nghèo khó, lam lũ, cực nhọc. Và cũng nhờ có điểm chung gặp gỡ giống nhau ấy, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng cảm, hữu ái giai cấp, tạo tiền đề làm nên tình đồng chí, đồng đội, gắn bó keo sơn.

Mặc dù, họ cách xa nhau về không gian địa lí, một người vùng biển, một người miền núi cao nhưng họ có cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp:

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Đang quen tay cuộc, tay cày nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm, những người nông dân như vươn lên thành những tráng sĩ. Họ cùng nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, lời vẫy gọi thiết tha của đất nước thân thương đang lâm nguy, họ gác lại tất cả mà vác ba lô, vác súng ra chiến trường chiến đấu. Vì thế, họ lại gặp chung một lí

Dàn ý phân tích bài thơ **Đồng chí** - Chính Hữu

tưởng cách mạng, một mục tiêu chiến đấu thiêng liêng: tình yêu tổ quốc và niềm khát khao đất nước được hòa bình, độc lập.

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Đồng chí!

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí. Một lí do rất đơn giản nhưng lại rất thiêng liêng và cao cả. Bởi tình cảm đồng chí ấy được chấp cánh bởi lí tưởng và khát vọng cao đẹp của tình yêu đất nước. Và cũng từ đó, tình đồng chí bắt đầu nảy nở và trở nên bền chặt, keo sơn trong chiến đấu và cuộc sống có chiến tranh. Hình ảnh thơ có sự sóng đôi, gọi nên tình gắn bó keo sơn của người lính cách mạng. Trong chiến tranh “súng bên súng”: họ cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. Trong cuộc sống nơi hòn tên, mũi đạn, họ “đầu sát bên đầu”, “đêm rét chung chăn”, gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất (chung chăn) và sự khắc nghiệt, dữ dội của tiết trời, khí hậu (sương muối, mưa rừng). Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà lịch sử đang giao phó:

“Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng”

(*Việt Bắc* – Tố Hữu)

Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng.

Trong bảy câu thơ mở đầu, người đọc nhận ra cách xưng hô “anh – tôi” trong mỗi dòng thơ có những sắc thái biểu cảm khác nhau, cho thấy quá trình phát triển về mặt tình cảm của tình đồng chí, đồng đội của người lính: Ban đầu với hai câu đầu, hai đại từ nhân xưng “anh – tôi” chỉ dùng để gọi, giao tiếp của hai con người ở hai thế giới hoàn toàn khác biệt (một người vùng biển; một người vùng cao); Tiếp đó, hai câu thơ tiếp, “anh – tôi” đã gặp gỡ mà quen biết nhau khi cùng chung lí tưởng và mục tiêu chiến đấu, nhưng vẫn chỉ là “đôi người xa lạ”. Cuối cùng, qua thời gian năm tháng đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, họ đã biến sự xa lạ thành thân quen, biến thân quen thành đôi bạn tri kỉ, tri âm. Từ một cá nhân riêng lẻ nhưng sau dần đã trở thành một khối thống nhất và đoàn kết mạnh mẽ không tách rời. Vì thế, hai tiếng “*Đồng chí!*” được gieo giữa bài thơ vừa có ý nghĩa khép lại đoạn thơ mở đầu, vừa có tính chất mở ra để kết nối đoạn thơ tiếp theo.

Dàn ý phân tích bài thơ Đồng chí - Chính Hữu

Đồng thời nó như một lời hô gọi thiêng liêng, trầm hùng và xúc động của những người lính trong chiến tranh và trong tranh đấu. Đó là một câu thơ đặc biệt như là một lời kết luận cho những lí lẽ, cơ sở mà tác giả đưa ra để làm “minh chứng” cho quá trình phát triển hình thành của tình đồng chí. Từ đó, ta bắt gặp một cách định nghĩa bằng thơ rất riêng của Chính Hữu về “Đồng chí”. “Đồng chí” là cùng chung hoàn cảnh, cùng chung lí tưởng, mục tiêu cách mạng, cùng chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn, vất vả trong chiến đấu. Cách lập ý rõ ràng, tạo nên một kết cấu logic chính luận cho bài thơ trữ tình.

Nếu như bảy câu thơ đầu, Chính Hữu chỉ ra cơ sở để hình thành nên tình đồng chí, đồng đội thì những câu thơ tiếp theo, tác giả tiếp tục chỉ ra những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội. Trước hết, đồng chí là sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Chúng ta thấy, cả ba câu thơ chỉ xuất hiện đại từ xưng hô “anh” mà không phải “tôi”, điều đó cho thấy lời thơ là lời nói hộ, bộc lộ hộ những tâm tư tình cảm của người bạn mình. Đó là nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương, nhớ người thân yêu nơi hậu phương của người lính. Và qua cách nói hộ ấy, người đọc thấy được tình cảm đồng đội, đồng chí hiện lên thật sâu đậm, họ hiểu bạn mình cũng như hiểu chính mình vậy. Vì thế cho nên, lời thơ cũng chính là bộc bạch chân thành của chính nhân vật trữ tình “tôi” về nỗi nhớ quê hương sâu sắc.

Ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa... là những hình ảnh giản dị, quen thuộc ở mọi làng quê Việt Nam. Có lẽ lúc này người lính đang rất nhớ tới quê hương, nơi có gia đình, người thân, có ruộng nương, gian nhà, những tình cảm đẹp đẽ của họ từ thuở ấu thơ đến lúc trưởng thành. Nhưng từ “mặc kệ” đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. Tinh thần hi sinh mạnh mẽ ấy đã được nhà thơ Thanh Thảo bộc bạch bằng lời thơ của mình:

“Chúng tôi đã đi không tiếc đời mình

Nhưng tuổi hai mươi làm sao không tiếc

Nhưng ai cũng tiếc tuổi hai mươi thì còn chi tổ quốc”

Dàn ý phân tích bài thơ **Đồng chí - Chính Hữu**

Như vậy, câu thơ đã cho thấy được ý thức trách nhiệm công dân cao độ của người lính đối với dân tộc khi tổ quốc lâm nguy. Điều đó cho thấy lòng yêu nước mạnh mẽ, sâu sắc của họ. Hình ảnh “giếng nước gốc đa” là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy, lại là động lực mạnh mẽ, thôi thúc và tiếp bước cho họ vươn lên mà mạnh mẽ, trưởng thành, vì sự nghiệp chung lớn lao của đất nước, dân tộc.

Không chỉ chia sẻ với nhau những chuyện riêng tư, nỗi nhớ nhung về quê hương, người thân, người lính còn sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau trong lúc hoạn nạn khó khăn:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật quái ác – những cơn sốt rét ghê gớm. Hình ảnh: “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Vì thế các anh phải cắn răng chịu đựng, tự lực, tự cường mà vượt qua. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh. Trong bài thơ "*Tây Tiến*" của Quang Dũng, nhà thơ cũng đã nhắc tới căn bệnh này:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm.

Hay trong bài "*Dấu chân qua trăng cỏ*" của Thanh Thảo, ông cũng từng có câu thơ:

Những người sốt rét đương cơn

Dấu chân bầm xuống đường trơn ướt nhòe.

Dàn ý phân tích bài thơ Đồng chí - Chính Hữu

Nhưng khi mắc bệnh, những người lính lại nhận được sự chăm sóc tận tình, chu đáo của những người bạn, người đồng đội nên căn bệnh dù có quái ác nhưng vẫn không thể quật ngã được họ. Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi” đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. “Với” ở đây có nghĩa là có sự đồng cảm, sẻ chia, cộng hưởng của tình cảm. Chính sự giúp đỡ động viên chân tình ấy đã giúp họ cùng nhau vượt qua được những căn bệnh sốt rét nguy hiểm – một nỗi ám ảnh kinh hoàng của người lính trong chiến tranh.

Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất. Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh thực có ý nghĩa diễn tả điều đó. Nhưng trong hoàn cảnh ấy, họ đã chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau bằng những hành động chân thành: “Miệng cười buốt giá”, “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Chính nụ cười đã xoá tan đi cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn. Cùng đồng viên nhau qua ánh mắt nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong “buốt giá” nhưng vẫn chứa chan tình cảm, cho thấy được sự lạc quan mạnh mẽ của họ trong cuộc sống chiến đấu. Còn hành động “tay nắm lấy bàn tay” là một cử chỉ rất cảm động và cần thiết vào lúc này. Họ đã truyền cho nhau hơi ấm của tình thương, cùng dắt tay nhau tiến lên phía trước, vì mục tiêu lí tưởng cách mạng lớn lao: vì hòa bình dân tộc. Và có lẽ, tình yêu thương nhau đã lấp đầy khoảng trống, làm dịu vơi đi nỗi nhớ nhà, nhớ quê hương. Tất cả những cử chỉ ánh mắt, nụ cười, nắm tay ấy đã giúp họ có thêm động lực để vượt qua khó khăn, thử thách. Điều ấy đã làm cho tình đồng chí thêm keo sơn, gắn bó và hóa thành sức mạnh đoàn kết trong suốt cuộc kháng chiến trường kì.

Khép lại bài thơ, ba câu thơ cuối vừa giàu chất hiện thực, lại vừa đậm đà chất lãng mạn bay bổng, vừa gợi tả bức tranh không gian toàn cảnh của núi rừng, lại vừa đặc tả tình cảm ấm áp của những người lính trong chiến tranh. Đây là biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng chí, đồng đội. Đồng chí là cùng chung chiến hào:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Đó là khoảng thời gian “đêm nay” rất cụ thể với khung cảnh “rừng hoang – sương muối” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt. Tuy nhiên, người lính vẫn đứng cạnh bên nhau để “chờ giặc tới”. Động từ “chờ” cho thấy được tư thế chủ động và hết sức đề cao cảnh giác của người lính trong khi làm nhiệm vụ. Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lán át cả không gian toàn cảnh của người lính. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện thực khắc nghiệt đó. Các từ gần nghĩa “cạnh – bên” cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn

Dàn ý phân tích bài thơ Đồng chí - Chính Hữu

bó luôn có nhau của những người lính. Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, dưới cái nhìn lãng mạn hóa của Chính Hữu, ánh trăng như đang treo ở đầu mũi súng. Và "trăng" theo đó như trở thành người bạn vừa chứng minh cho tình cảm đồng chí keo sơn của người lính, vừa soi sáng và sưởi ấm cho không gian của rừng đêm sương muối lạnh lẽo bên trên. Hình ảnh "súng – trăng" được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa thực tại – mơ mộng; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả.

Tóm lại, với một ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, sử dụng sáng tạo bút pháp tả thực và lãng mạn, Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ là một trong những thành công sớm nhất của thi ca cách mạng Việt Nam viết về bộ đội. Khép lại trang thơ, bức tượng đài người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội cứ dấy lên trong tâm trí độc giả với lòng biết ơn sâu sắc sự hi sinh lớn lao vì hòa bình đất nước của các anh. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.